## PHIẾU SỐ 02-CS: PHIẾU phỏng vấn CƠ SỞ BẢO TRỢ/CHĂM SÓC NGƯỜI KHUYẾT TẬT

### 4.2.1. Thông tin định danh

Thông tin định danh của cơ sở bao gồm các thông tin về tên và mã như sau:

- Tỉnh/thành phố;

- Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;

- Xã/phường/thị trấn;

- Thôn/ấp/tổ dân phố;

- Tên cơ sở;

- Mã cơ sở;

- Điện thoại.

Các thông tin này sẽ tự động hiển thị trên chương trình. Nếu các thông tin này chưa đúng với thực tế, ĐTV cập nhật lại theo thực tế.

Địa chỉ: Ghi theo địa chỉ bưu điện gồm thôn/ấp/tổ dân phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Nếu ở thành thị thì ghi rõ số nhà, tên phố.

Tên cơ sở: Ghi chính xác tên cơ sở (viết có dấu, không viết tắt).

Mã số cơ sở: Thông tin này được tự động hiển thị trên chương trình, ĐTV không thể thay đổi mã số.

Điện thoại: Ghi số điện thoại cố định theo đăng ký của cơ sở. Cần ghi cả mã vùng.

### 4.2.2. Danh sách người khuyết tật

#### a) Mục đích

Thu thập thông tin về nhân khẩu học, dạng khuyết tật, mức độ và nguyên nhân khuyết tật. thời gian chăm sóc tại cơ sở của toàn bộ người khuyết tật đang thực tế thường trú tại cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật.

#### b) Người trả lời

Người trả lời cho phiếu hỏi này tốt nhất là Ban lãnh đạo cơ sở bảo trợ hoặc một thành viên Ban lãnh đạo cơ sở.

#### c) Giải thích phiếu

Cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật bao gồm cả cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập. Là những cơ sở bảo trợ xã hội được cấp phép bởi ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, ở đó nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội, trong đó có người khuyết tật.

Cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật còn bao gồm các trại thương binh thuộc phạm vi quản lý của Cục Người có công.

- Họ và tên: Nhập họ và tên của các thành viên khuyết tật là nhân khẩu thực tế thường trú tại cơ sở.

Đối với mỗi dòng họ và tên của người khuyết tật thường trú tại cơ sở, ĐTV khai thác các thông tin về giới tính, tuổi, dân tộc, dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật, thời gian chăm sóc tại trung tâm tương ứng của từng người.

- Giới tính: ĐTV chọn giới tính Nam hoặc Nữ.

- Tuổi: ĐTV ghi tuổi tròn theo dương lịch của ĐTĐT.

- Dân tộc: ĐTV lựa chọn dân tộc theo Danh mục dân tộc đã tích hợp sẵn trên chương trình.

- Dạng khuyết tật: Theo khoản 1, điều 3 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 quy định có 6 dạng khuyết tật bao gồm: Khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật thần kinh, tâm thần; khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác.

ĐTV căn cứ vào thông tin dạng khuyết tật của người khuyết tật để chọn mã trả lời. Thông tin về dạng tật thường được trích từ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc hồ sơ khuyết tật. Một người khuyết tật có thể chịu nhiều dạng tật khác nhau nên ĐTV có thể chọn nhiều mã trả lời.

- Mức độ khuyết tật: Theo khoản 2, Điều 3 Luật Người khuyết tật được chia theo các mức độ khuyết tật sau đây:

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;

+ Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;

+ Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc hai trường hợp đã nêu ở trên.

+ Người khuyết tật không xác định là người không xác định được mức độ khuyết tật thuộc dạng nào.

ĐTV căn cứ vào thông tin mức độ khuyết tật của từng người và nhập vào chương trình. Thông tin về mức độ khuyết tật được trích từ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc hồ sơ khuyết tật.

*Lưu ý:* Một người khuyết tật có thể chịu nhiều dạng tật nhưng mức độ khuyết tật chỉ có 1, thường là mức độ cao nhất.

- Nguyên nhân khuyết tật: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bị khuyết tật, việc xác định được nguyên nhân khuyết tật sẽ giúp ích cho việc truyền thông, giáo dục và có các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu khuyết tật. ĐTV căn cứ vào câu trả lời, xác định nguyên nhân gây ra khuyết tật của người đó chọn mã thích hợp.

+ Bẩm sinh: Người khuyết tật bị khuyết tật do di truyền, bị khuyết tật khi mẹ mang thai nhưng thai nhi phát triển không đầy đủ, trong khi sinh (người mẹ chuyển dạ khó khăn không cung cấp oxi đến não của em bé sẽ ảnh hưởng đến thể chất và trí tuệ của em bé), việc chăm sóc trẻ em sau sinh (vệ sinh mắt, tai không cẩn thận sẽ chẳng may dẫn tới bị mù hoặc bị điếc), suy dinh dưỡng (thiếu nhiều chất dinh dưỡng sẽ khiến trẻ không phát triển 1 số bộ phận và dẫn tới bị khuyết tật)...

+ Tuổi già: Người bị khuyết tật do ảnh hưởng của tuổi tác dẫn tới ảnh hưởng tới sức khỏe như bị điếc, đau chân không đi lại được…

+ Tai nạn giao thông: Người bị khuyết tật đang tham gia lưu thông trên đường (bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không) chẳng may gặp tai nạn bị mất một hay nhiều bộ phận trên cơ thể, ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe.

+ Tai nạn lao động: Người bị khuyết tật đang làm việc chẳng may bị tai nạn bị mất một hay nhiều bộ phận trên cơ thể, ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe.

+ Chiến tranh: Người bị khuyết tật do ảnh hưởng hậu quả nặng nề của chiến tranh bị mất một hay nhiều bộ phận trên cơ thể, bị nhiễm chất độc màu da cam, hoặc thế hệ sau của những người bị nhiễm chất độc màu da cam.

+ Do ốm/bệnh: Người bị khuyết tật do ảnh hưởng của bệnh tật, ốm đau kéo dài không chữa trị khỏi đã ảnh hưởng đến sức khỏe như teo cơ, bại liệt, bại não, đột quỵ…

+ Nguyên nhân khác: Ngoài những nguyên nhân dẫn tới khuyết tật kể trên, còn nguyên nhân khác thì ĐTV chọn mã Khác.

+ Không biết: Trường hợp người trả lời không biết nguyên nhân gây ra khuyết tật thì ĐTV chọn mã Không biết.

- Thời gian chăm sóc tại trung tâm: Ghi theo số **tháng cộng dồn** mà người khuyết thường trú tại cơ sở. Đủ 30 ngày thì tính là 1 tháng. Trường hợp chưa đủ 1 tháng, ĐTV ghi “0”

## 

## 4.3. PHIẾU SỐ 03-XA: PHIẾU PHỎNG VẤN UBND XÃ/PHƯỜNG/ THỊ TRẤN

### 4.3.1. Mục đích

Tài liệu này hướng dẫn điều tra viên nội dung và cách thu thập số liệu trong Phiếu phỏng vấn xã, phường, thị trấn (viết gọn là xã). Thông tin được thu thập trên phạm vi xã cùng với thông tin thu thập tại hộ dân cư cho phép mô tả một bức tranh tương đối hoàn chỉnh về người khuyết tật, các hoạt động triển khai Luật người khuyết tật và các chính sách, chương trình trợ giúp người khuyết tật tại địa phương.

### 4.3.2. Nội dung, phương pháp thu thập số liệu

Mục 1: Thông tin chung, bao gồm những đặc tính cơ bản về nhân khẩu và tình hình chung của xã.

Mục 2: Thông tin về người khuyết tật trên địa bàn xã và tình hình của xã liên quan đến người khuyết tật.

Thông tin được thu thập từ việc phỏng vấn trực tiếp các cán bộ xã.

### 4.3.3. Người phỏng vấn, người trả lời và công tác tổ chức thu thập số liệu

Đội trưởng là người thực hiện phiếu phỏng vấn này. Đội trưởng trực tiếp đến UBND xã/phường/thị trấn phỏng vấn những người có trách nhiệm để thu thập thông tin và ghi thông tin vào phiếu CAPI.

Có một số thông tin cần phải có thời gian chuẩn bị trước nên đội trưởng có thể đưa trước nội dung các câu hỏi cần thu thập để họ có thời gian chuẩn bị. Khi đã hẹn gặp với bất kỳ ai thì cần phải đến đúng giờ và không được phép lỡ hẹn.

Tất cả các thông tin được thu thập cần phải tuân thủ nguyên tắc như đối với phiếu phỏng vấn hộ: không được phổ biến hoặc tiết lộ với những người không có trách nhiệm.

### 4.3.4. Hướng dẫn điền số liệu vào phiếu phỏng vấn xã

*Lưu ý:* Tất cả người khuyết tật được hỏi trong phiếu hỏi là những người khuyết tật đã được cấp giấy chứng nhận khuyết tật hoặc hồ sơ xác nhận khuyết tật của các cơ quan, đơn vị có chức năng của Nhà nước.

#### a) TRANG BÌA

Thông tin định danh của xã, bao gồm các thông tin về tên và mã như sau:

- Tỉnh/thành phố;

- Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;

- Xã/phường/thị trấn;

- Khu vực (Thành thị- Nông thôn).

Các thông tin này sẽ tự động hiển thị trên chương trình.

Họ tên người trả lời, điện thoại, chức danh: Nhập chính xác họ tên, điện thoại và chức danh của người cung cấp thông tin vào phiếu CAPI. Trường hợp có nhiều người cung cấp thông tin thì ghi thông tin của người trả lời chính.

#### b) Mục 1. Thông tin chung

**Mục đích**

Mục này thu thập các thông tin cơ bản nhất về nhân khẩu học, vùng địa lý của xã/phường/thị trấn (gọi chung là xã) và diện xã được phân loại (nếu có).

**Phương pháp tính và ghi**

**XC1:** Tổng diện tích tự nhiên của xã/phường/thị trấn?

Ghi tổng diện tích tự nhiên nằm trong ranh giới hành chính của xã theo số liệu hiện có gần nhất. Diện tích tính bằng ki-lô-mét vuông (Km2).

**XC2:** Tổng số hộ thực tế thường trú trong xã/phường/thị trấn?

Ghi tổng số hộ thực tế thường trú trong xã tính đến thời điểm điều tra.

***Hộ dân cư:*** Bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung, có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng, có hoặc không chung quỹ thu - chi.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở, hoặc lều, lán, trại, nhà trọ, khách sạn; hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá, v.v … hoặc không có nhà ở.

Một hộ thường bao gồm những người có quan hệ ruột thịt, họ hàng, như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ. Tuy nhiên, những người chỉ có quan hệ họ hàng xa hoặc thậm chí không có quan hệ họ hàng (như những người giúp việc gia đình, người ở trọ,...) cũng là thành viên của một hộ nếu họ thường xuyên ngủ chung và ăn chung trong đơn vị nhà ở của hộ.

Lưu ý: Trường hợp xã có tình trạng xâm cư, ví dụ một hộ đang ở trên ranh giới hành chính xã A nhưng do xã B quản lý thì hộ này quy ước tính vào hộ thực tế thường trú của xã B.

**XC3:** Tổng số dân thực tế thường trú trong xã/phường/thị trấn?

Ghi tổng số dân thực tế thường trú trong xã/phường/thị trấn tính đến thời điểm phỏng vấn.

***Thành viên hộ:*** Là những người thực tế thường trú tại hộ, những người thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra từ 6 tháng trở lên; trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra; những người mới chuyển đến sẽ ở ổn định tại hộ và những người tạm vắng, không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú.

Ngược lại, những người chuyển khỏi hộ lâu dài sẽ không được tính là thành viên hộ kể cả khi họ đã ở trong hộ trên 6 tháng, ví dụ con gái đi lấy chồng, nhập ngũ, người đã chết...

***Trường hợp đặc biệt quy định trong cuộc điều tra này:*** Thành viên hộ sống trong các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật thì **không tính** là thành viên của hộ và sẽ được thu thập thông tin tại cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật qua phiếu hỏi cơ sở (Phiếu 02-CS).

**XC4:** Tổng chi ngân sách của xã/phường/thị trấn năm 2022?

Ghi tổng chi ngân sách của xã theo quyết toán chi ngân sách năm 2022.

**XC4.1:** Tổng chi ngân sách của xã/phường/thị trấn cho các hoạt động bảo trợ xã hội năm 2022?

Ghi tổng chi ngân sách của xã cho hoạt động bảo trợ xã hội năm 2022 bao gồm các khoản chi thường xuyên và chi đột xuất.

*Lưu ý:* Trong thực tế, việc chi cho hoạt động bảo trợ xã hội tại xã có rất nhiều nguồn. Chỉ tính các khoản chi trong tổng chi ngân sách tại câu XC4.

**XC4.2:** Tổng chi ngân sách của xã/phường/thị trấn cho người khuyết tật năm 2022?

Ghi tổng chi ngân sách của xã cho người khuyết tật tại xã năm 2022, bao gồm các khoản chi thường xuyên và chi đột xuất.

*Lưu ý:* Người khuyết tật là một trong các đối tượng bảo trợ xã hội, trong thực tế người khuyết tật tại xã có thể nhận được rất nhiều nguồn trợ cấp từ nguồn của xã và các tổ chức/cá nhân khác và chỉ tính các khoản chi trong tổng chi ngân sách tại câu XC4.1.

**XC5:** Xã/phường/thị trấn có thuộc xã vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ không?

Dựa theo văn bản qui định của các cơ quan có thẩm quyền như Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và Miền núi làm căn cứ xác định xã có thuộc xã vùng sâu, vùng xa không.

**XC6:** Xã/phường/thị trấn có thuộc xã nghèo trong chương trình 135 của Chính phủ không?

Chương trình 135 của Chính phủ là một trong các chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam do Nhà nước Việt Nam triển khai từ năm 1998 và có nhiều giai đoạn để thực hiện. Hiện nay, đang thực hiện giai đoạn 2021-2025.

**XC7:** Tổng số hộ nghèo của xã/phường/thị trấn năm 2022?

Nhập tổng số hộ nghèo trong xã của năm 2022 vào phiếu CAPI. Hộ nghèo năm 2022 được hiểu là những hộ được hưởng các chế độ hộ nghèo vào năm 2022, tức là những hộ này nằm trong danh sách hộ nghèo được xét duyệt vào cuối năm 2021.

Theo Nghị định [07/2021/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-197848-d1.html) về chuẩn nghèo đa chiều, thay thế cho Quyết định [59/2015/QĐ-TTg](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-197848-d1.html) quy định từ năm 2022, hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2 triệu đồng trở xuống ở thành thị và từ 1,5 triệu đồng trở xuống ở nông thôn; thiếu hụt 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên được coi là hộ nghèo.

Lưu ý: Chỉ tính số hộ nghèo, không tính hộ cận nghèo.

**XC8:** Tỷ lệ hộ nghèo của xã/phường/thị trấn năm 2022?

ĐTV nhập tỷ lệ hộ nghèo của xã tính trong năm 2022.

**XC9:** Tổng số người được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng trong xã/phường/thị trấn? (tính tháng gần nhất).

ĐTV dựa vào danh sách các đối tượng bảo trợ xã hội của xã để nhập thông tin câu này. Lấy toàn bộ số đối tượng bảo trợ xã hội, được trợ cấp trong tháng gần thời điểm điều tra nhất của xã.

**Câu XC9A đến XC9H:** Hỏi thông tin về số người được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo 8 nhóm đối tượng. Nhóm đối tượng trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP như sau:

|  |
| --- |
| [Theo Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng gồm:](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx" \t "_blank) |
| (1) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây: |
| - Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; |
| - Mồ côi cả cha và mẹ; |
| - Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; |
| - Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; |
| - Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; |
| - Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; |
| - Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; |
| - Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; |
| - Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; |
| - Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; |
| - Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. |
| (2) Người thuộc diện quy định tại mục (1) đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi. |
| (3) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo. |
| (4) Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ, đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất quy định tại mục (2) (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con). |
| (5) Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây: |
| - Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (\*); |
| - Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; |
| - Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại (\*) mục này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng; |
| - Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng. |
| (6) Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật. |
| (7) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các mục (1), (3) và (6) đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn (***quy định mới***). |
| (8) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng. |

**XC9A:** Số trẻ em dưới 16 tuổi không nguồn nuôi dưỡng?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 1 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9B:** Số người từ 16-22 tuổi không nguồn nuôi dưỡng, đang đi học?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 2 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9C:** Số trẻ em dưới 16 tuổi nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 3 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9D:** Số người đơn thân nghèo, nuôi con dưới 16 tuổi hoặc con 16-22 tuổi đang đi học?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 4 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9E:** Người cao tuổi được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 5 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9F:** Số người khuyết tật?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 6 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9G:** Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 7 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**XC9H:** Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo?

Đây là nhóm đối tượng được quy định trong khoản 8 Điều 5 [Nghị định 20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx).

**CX10:** Tổng số người là **thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh** trên địa bàn xã/phường/thị trấn? (tính tháng gần nhất).

Nhập số thương binh hoặc người được hưởng chính sách như thương binh trên địa bàn xã.

Những người được coi là thương binh trong câu này là những người được cấp giấy chứng nhận thương binh hoặc hồ sơ xác nhận thương binh của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Người được hưởng chính sách như thương binh là những người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh".

**XC11:** Tổng số người **bị nhiễm chất độc màu da cam** trên địa bàn xã/phường/thị trấn? (tính tháng gần nhất).

Nhập tổng số người bị nhiễm chất độc màu da cam trên địa bàn xã, bao gồm người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và người dân bị nhiễm chất độc da cam, kể cả thế hệ con cháu bị nhiễm chất độc da cam.

***c) Mục 2: Thông tin về người khuyết tật***

**XK1:** Tổng số hộ nghèo, có thành viên là người khuyết tật trong xã/phường/thị trấn?

Nhập tổng số hộ nghèo trong xã có thành viên là người khuyết tật trong năm 2022 và năm 2023.

Số hộ nghèo năm 2023 là những hộ được hưởng chế độ hộ nghèo vào năm 2023, tức là các hộ nằm trong danh sách hộ nghèo được xét duyệt vào cuối năm 2022.

Tương tự, số hộ nghèo năm 2022 là những hộ được hưởng chế độ hộ nghèo vào năm 2022, tức là các hộ nằm trong danh sách hộ nghèo được xét duyệt vào cuối năm 2021.

*Lưu ý:* Tiêu chí của hộ nghèo theo Nghị định [07/2021/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-197848-d1.html) về chuẩn nghèo đa chiều, thay thế cho Quyết định [59/2015/QĐ-TTg](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-197848-d1.html).

**XK2:** Tổng số hộ có thành viên là người khuyết tật trong xã/phường/thị trấn?

Nhập tổng số hộ trong xã có ít nhất một thành viên trong hộ là người khuyết tật trong năm 2022 và 2023.

**XK3:** Tổng số người khuyết tật có Giấy xác nhận hoặc hồ sơ xác nhận khuyết tật? (tính đến thời điểm hiện tại).

Dựa vào “Biểu tổng hợp danh sách đối tượng được cấp giấy xác nhận khuyết tật” của xã để nhập thông tin: Ghi tổng số người khuyết tật được cấp giấy xác nhận của xã/phường/thị trấn.

**XK3.1A đến XK3.1F:** Nhập số đối tượng dựa theo “Biểu tổng hợp danh sách đối tượng được cấp giấy xác nhận khuyết tật” phân chia theo dạng khuyết tật.

Dạng khuyết tật được xác định theo khoản 1, điều 3 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 quy định có 6 dạng khuyết tật bao gồm: Khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật thần kinh, tâm thần; khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác.

**XK3.2A đến XK3.2C:** Nhập số đối tượng dựa theo “Biểu tổng hợp danh sách đối tượng được cấp giấy xác nhận khuyết tật” phân chia theo mức độ khuyết tật.

Mức độ khuyết tật được xác định theo khoản 2, Điều 3 Luật Người khuyết tật được chia theo các mức độ khuyết tật bao gồm: Đặc biệt nặng, nặng, nhẹ và không xác định.

**XK4:** Vấn đề về người khuyết tật có được lồng ghép trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của xã/phường/thị/trấn năm 2023 không?

Câu hỏi này để xác định xem chương trình phát triển kinh tế - xã hội hoặc khung nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ban hành kèm theo chương trình này của xã năm 2023 có đề cập, lồng ghép vấn đề về người khuyết tật trên địa bàn hay không.

**XK5:** UBND xã/phường/thị trấn có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về vấn đề khuyết tật cho nhân dân trên địa bàn trong năm 2023 không?

Câu hỏi này xác định xem trong năm 2023, UBND xã có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về vấn đề khuyết tật cho nhân dân trên địa bàn không (đã thực hiện hoặc có kế hoạch thực hiện cụ thể trong năm 2023), ví dụ: phổ biến về chính sách dành riêng cho người khuyết tật; giáo dục về phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về người khuyết tật như chống phân biệt, kì thị với người khuyết tật... Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục có thể thông qua hệ thống loa đài truyền thanh xã/phường/thị trấn; có văn bản thông báo; phát tờ rơi; tổ chức phổ biến trực tiếp cho người dân...

**XK6:** UBND xã/phường thị trấn có kế hoạch giảm rủi ro thiên tai trong năm 2023 không?

Câu hỏi này chỉ xem xét đến các kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai trong năm 2023.

**XK6.1:** Vấn đề người khuyết tật có được lồng ghép vào kế hoạch giảm rủi ro thiên tai của UBND xã/phường/thị trấn năm 2023 không?

Câu hỏi xác định kế hoạch giảm rủi ro thiên tai của UBND xã trong năm 2023 có lồng ghép vấn đề người khuyết tật trên địa bàn hay không.

**XK7:** Số vụ vi phạm quyền của người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn năm 2023?

Câu hỏi này xem trong năm 2023 tại địa bàn xã có bao nhiêu vụ vi phạm quyền của người khuyết tật tính đến thời điểm điều tra.

**XK7.1:** Số vụ vi phạm quyền của người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn năm 2023 đã được xử lý?

Sau khi nhập thông tin số vụ vi phạm quyền của người khuyết tật và hỏi thêm trong những vụ vi phạm quyền của người khuyết tật đó thì có bao nhiêu vụ đã được xử lý tính đến thời điểm điều tra.

**XK8:** Số lượt người khuyết tật được trợ giúp pháp lý năm 2023?

Ghi số lượt người khuyết tật được trợ giúp pháp lý tại xã tính từ đầu năm 2023 đến thời điểm điều tra.

Theo [Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-Tro-giup-phap-ly-2017-322938.aspx?anchor=dieu_7) thì người được trợ giúp pháp lý bao gồm người khuyết tật và theo quy định của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý thì điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật. Như vậy, người khuyết tật thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thì được trợ giúp pháp lý. Ngoài trường hợp người khuyết tật có khó khăn về tài chính thì người khuyết tật cũng được hưởng trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau: người khuyết tật là người có công với cách mạng; người khuyết tật là người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật là trẻ em; người khuyết tật là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó, người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí bằng các hình thức: tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng với tất cả lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 cũng chia sẻ trách nhiệm thực hiện bào chữa theo án chỉ định cho người được trợ giúp pháp lý.

UBND cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu công dân đến Trung tâm trợ giúp pháp lý theo Thông tư 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tư pháp.

**XK9:** UBND xã/phường/thị trấn có thành lập Hội đồng xác định khuyết tật không?

Hội đồng xác định khuyết tật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thành lập.

Hội đồng xác định mức độ khuyết tật bao gồm các thành viên sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng;

b) Trạm trưởng trạm y tế cấp xã;

c) Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội;

d) Người đứng đầu hoặc cấp phó của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh cấp xã;

đ) Người đứng đầu tổ chức của người khuyết tật cấp xã nơi có tổ chức của người khuyết tật.

Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức và chủ trì hoạt động của Hội đồng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp của Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba số thành viên của Hội đồng tham dự. Kết luận của Hội đồng được thông qua bằng cách biểu quyết theo đa số, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng. Kết luận của Hội đồng được thể hiện bằng văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký.

**XK10:** Trụ sở UBND xã/phường/thị trấn có lối đi (đường dốc) cho người sử dụng xe lăn không?

Hỏi và kết hợp quan sát xem trụ sở UBND xã có lối đi dành riêng hay thiết kế đường dốc để giúp những người đi xe lăn dễ dàng hơn trong việc đi vào trụ sở không.

**XK11:** Công trình vệ sinh tại trụ sở UBND xã/phường/thị trấn có thiết kế phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật không?

Hỏi và kết hợp quan sát xem công trình vệ sinh của UBND xã/phường/thị trấn có thiết kế phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật hay không. Ví dụ: Có đường dốc hoặc lối vào có đủ rộng để người đi xe lăn có thể vào được; có tay vịn, bồn cầu thấp dành cho người khuyết tật.

**XK12:** Số người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn được học nghề trong năm 2023?

Nhập số người khuyết tật ở xã/phường/thị trấn được đi học nghề trong năm 2023 tính đến thời điểm điều tra.

**XK13:** Số người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn được giới thiệu, tư vấn việc làm năm 2023?

Nhập số người khuyết tật ở xã/phường/thị trấn được giới thiệu, tư vấn việc làm trong năm 2023 tính đến thời điểm điều tra.

**XK14:** Số người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn có việc làm năm 2023? (tính tại thời điểm điều tra)

Nhập số người khuyết tật có việc làm trong tổng số người khuyết tật tại xã/phường/thị trấn tính đến thời điểm điều tra.

**XK15:** Số hộ gia đình được hưởng trợ cấp chăm sóc người khuyết tật hàng tháng?

Nhập số hộ gia đình được hưởng tiền trợ cấp chăm sóc cho người khuyết tật hàng tháng tại xã/phường/thị trấn.

**XK16:** Số người khuyết tật được cấp sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí hay BHYT? (tính tại thời điểm điều tra).

Nhập số người khuyết tật có sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí hoặc BHYT tính tại thời điểm điều tra.

Định nghĩa sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí hay BHYT xem hướng dẫn tại câu HH\_HF mục 3 Y tế tại phiếu Hộ.

**XK17:** Số tổ chức/hội/chi hội của người khuyết tật, vì người khuyết tật đang hoạt động tại xã/phường/thị trấn?

Số tổ chức của người khuyết tật, vì người khuyết tật đang hoạt động trên địa bàn xã/phường/thị trấn tính đến thời điểm điều tra.

Tổ chức của người khuyết tật là tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên là người khuyết tật, tham gia xây dựng, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

Tổ chức vì người khuyết tật là tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động trợ giúp người khuyết tật.

**XK18:** Số người khuyết tật tham gia tổ chức/hội của người khuyết tật, vì người khuyết tật tại xã/phường?

Nhập số người khuyết tật hoạt động trong các tổ chức của người khuyết tật, vì người khuyết tật được liệt kê tại câu XK17 tính đến thời điểm điều tra.

## 4.4. PHIẾU SỐ 04-TH: PHIẾU PHỎNG VẤN TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ

**4.4.1. Nội dung, phương pháp thu thập số liệu**

Phiếu 04-TH để thu thập các thông tin liên quan đối với các trường tiểu học và trường trung học cơ sở, bao gồm:

Mục 1: Những thông tin chung về trường.

Mục 2: Thông tin về học sinh khuyết tật.

**4.4.2. Người phỏng vấn, người trả lời và công tác tổ chức thu thập số liệu**

Đội trưởng là người thực hiện phiếu phỏng vấn này.

Căn cứ theo danh sách các trường học được phân công, đội trưởng chủ động liên hệ, gặp trực tiếp hiệu trưởng, hiệu phó, những cán bộ có liên quan để thu thập thông tin.

Có một số thông tin cần phải có thời gian chuẩn bị trước nên đội trưởng có thể đưa trước nội dung các câu hỏi cần thu thập để người trả lời phỏng vấn có thời gian chuẩn bị. Khi đã hẹn gặp với bất kỳ ai thì cần phải đến đúng giờ và không được phép lỡ hẹn.

Tất cả các thông tin được thu thập cần phải tuân thủ nguyên tắc như đối với phiếu phỏng vấn hộ: không được phổ biến hoặc tiết lộ bất kỳ thông tin nào của phiếu với những người không có trách nhiệm.

**4.4.3. Hướng dẫn phiếu hỏi**

***a) TRANG BÌA***

Thông tin định danh của trường, bao gồm các thông tin về tên và mã như sau:

- Tỉnh/thành phố;

- Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;

- Xã/phường/thị trấn;

- Khu vực (Thành thị - Nông thôn);

- Tên trường: Ghi tên đầy đủ, chính thức theo quyết định thành lập hoặc các văn bản pháp quy bằng tiếng việt có dấu.

Các thông tin này sẽ tự động hiển thị trên chương trình CAPI. Nếu các thông tin này chưa đúng với thực tế, đội trưởng cần báo lại với giám sát viên để xác minh và cập nhật (nếu có).

- Mã trường: Chương trình tự động đánh mã trường theo danh sách.

- Loại trường: Xác định loại trường điều tra theo 3 mã trả lời

1. “Tiểu học”.

2. “THCS”.

3. “Liên cấp”.

Điều tra người khuyết tật chỉ thu thập thông tin đối với trường tiểu học, trường THCS hoặc trường liên cấp (có đào tạo cấp tiểu học và/hoặc cấp THCS - mỗi cấp đào tạo thực hiện 01 phiếu riêng biệt), không thu thập thông tin của các trường đào tạo cấp bậc khác. Trong trường hợp các loại trường này có các điểm trường hay phân trường thì chỉ hỏi trường chính.

Đội trưởng kiểm tra lại thông tin về loại trường được hiển thị trên chương trình, nếu thông tin chưa đúng thì cập nhật lại đúng thực tế.

- Loại hình: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của trường để xác định trường công lập hay trường ngoài công lập.

- Họ và tên người trả lời: Ghi đầy đủ họ tên của người trả lời, viết có dấu.

- Chức danh: Ghi rõ chức danh hiện tại của người trả lời phỏng vấn, viết tiếng việt có dấu.

- Điện thoại: Ghi số điện thoại cố định của cơ sở, ghi cả mã vùng hoặc số điện thoại của chính người trả lời phỏng vấn.

***b) Mục 1: Thông tin chung***

**TC1:** Số giáo viên của trường?

Ghi tổng số giáo viên của trường đến thời điểm điều tra. Giáo viên của trường là tính tất cả các giáo viên cơ hữu, thuộc biên chế hoặc có hợp đồng lao động dài hạn, ngắn hạn,... Không tính số giáo viên thuê tạm thời theo tiết học, môn học; không tính kế toán, thủ quỹ, những người không hưởng chế độ của giáo viên.

**TC1A:** Trong tổng số giáo viên của trường, số giáo viên được đào tạo hoặc tập huấn kĩ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật?

Ghi tổng số giáo viên của trường được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và có kỹ năng đáp ứng nhu cầu giáo dục cho người khuyết tật.

**TC1B:** Trong tổng số giáo viên của trường, số giáo viên là người khuyết tật?

Ghi tổng số giáo viên của trường là người khuyết tật.

Giáo viên khuyết tật là giáo viên được trường cho là khuyết tật, không nhất thiết phải có giấy chứng nhận khuyết tật.

**TC2:** Tổng số học sinh của trường đầu năm học 2023-2024?

Ghi tổng số học sinh hiện đang học tại trường tính đến thời điểm điều tra.

**TC3:** Trường có các cơ sở vật chất kỹ thuật sau đây không?

Trường có các cơ sở vật chất nào kỹ thuật nào sau đây không?

CAPI sẽ hiện ra từng loại cơ sở, ĐTV đánh mã “1” nếu có, đánh mã “2” nếu không có cho các loại cơ sở vật chất sau:

(a) Điện: Hỏi về điện sử dụng đáp ứng cho việc học tập, giảng dạy;

(b) Internet dùng cho mục đích học tập;

(c) Máy tính dùng cho mục đích học tập;

(d) Cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh khuyết tật;

(e) Nước uống;

(f) Hệ thống vệ sinh tiện lợi và riêng rẽ cho từng giới tính;

(g) Chỗ rửa tay thuận tiện.

**TC4:** Trong năm học 2023-2024, trường có học sinh khuyết tật theo học không?

Học sinh khuyết tật là học sinh được trường cho là có khuyết tật, không nhất thiết học sinh đó có giấy chứng nhận khuyết tật.

Nếu không, ĐTV chuyển sang hỏi câu TK7 và câu TK8 về thực trạng đường đi và khu vệ sinh để hỗ trợ người khuyết tật.

***c) Mục 2: Thông tin chung về học sinh khuyết tật***

**TK1:** Tổng số học sinh khuyết tật của trường?

Ghi tổng số học sinh khuyết tật hiện đang học tại trường.

**TK1.A đến TK1.F:** Ghi số học sinh khuyết tật chia theo 6 dạng khuyết tật. Tổng cộng số học sinh từ câu TK1.A đến TK1.F bằng tổng số học sinh được ghi ở Câu TK1.

**TK2:** Trường có tổ chức phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập cho học sinh khuyết tật không?

Xem trong năm học hiện tại, trường có tổ chức phương thức hòa nhập, bán hòa nhập cho học sinh khuyết tật đang theo học tại trường không.

* + *Giáo dục hòa nhập* là phương thức giáo dục chung học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật trong cơ sở giáo dục (lớp học). Học sinh khuyết tật sẽ học cùng lớp hoàn toàn hoặc cùng một số môn học với học sinh bình thường.
  + *Giáo dục chuyên biệt* là phương thức giáo dục dành riêng cho học sinh khuyết tật tại cơ sở giáo dục. Học sinh khuyết tật sẽ được tổ chức lớp riêng, có chương trình học riêng biệt hoàn toàn với các học sinh bình thường.
  + *Giáo dục bán hòa nhập* là phương thức giáo dục kết hợp giữa giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập tại cơ sở giáo dục.

**TK3:** Học sinh khuyết tật ở trường được học chung lớp với trẻ em bình thường hay tổ chức thành lớp chuyên biệt?

Hỏi về học sinh khuyết tật đang học trong trường được học theo hình thức nào.

* + *Chung* là học sinh khuyết tật học chung lớp hoặc học chung một số môn học với học sinh bình thường.
  + *Chuyên biệt* là những học sinh khuyết tật được tổ chức lớp học riêng. Có chương trình học tập riêng biệt với các học sinh bình thường.
  + *Cả hai* là một số học sinh khuyết tật tại trường được học trong lớp có học sinh bình thường và trường cũng tổ chức lớp học chuyên biệt dành riêng cho học sinh khuyết tật.

**TK4:** Các giáo viên tham gia giảng dạy học sinh khuyết tật trong trường có được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi không?

Xem các giáo viên tham gia giảng dạy học sinh khuyết tật trong trường có được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2013 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**TK5:** Học sinh khuyết tật nghe, nói có được học bằng ngôn ngữ ký hiệu không?

Xem học sinh khuyết tật nghe, nói có được học bằng ngôn ngữ ký hiệu chuyên dành cho những người khuyết tật nghe, nói hay không. Chỉ hỏi câu này nếu trường có học sinh khuyết tật nghe, nói (Câu TK1A>=1).

**TK6:** Xem học sinh khuyết tật nhìn có được học bằng ngôn ngữ chữ nổi ([chữ Braille](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_Braille)) không. Chỉ hỏi câu này khi trường có học sinh khuyết tật nhìn (TK1B >=1).

**TK7:** Trường có lối đi (đường dốc) cho người sử dụng xe lăn đến phòng Hội đồng hoặc phòng Hiệu trưởng không?

Xem đường đi đến phòng Hội đồng hoặc phòng Hiệu trưởng có lối đi riêng hoặc đường dốc để hỗ trợ cho những người đi xe lăn không.

**TK8:** Công trình vệ sinh tại trường có thiết kế phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật không?

Xem công trình vệ sinh của trường có thiết kế phù hợp đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật không. Cần kết hợp hỏi và quan sát để ghi lựa chọn phù hợp.

Ví dụ: Lối vào đủ rộng và có đường dốc cho xe lăn; có bồn cầu thấp dành cho người khuyết tật, bồn cầu có thiết kế thêm các thanh hỗ trợ dành riêng cho người khuyết tật...

CÂU TK9 ĐẾN CÂU TK12 CHỈ HỎI NẾU TRƯỜNG CÓ HỌC SINH KHUYẾT TẬT (TC4=1)

**TK9:** Số lớp học trong trường?

Ghi tổng số lớp học trong trường.

**TK10:** Số lớp học có học sinh khuyết tật trong trường?

Ghi tổng số lớp học có học sinh khuyết tật trong trường.

**TK10A và TK10B:** Ghi số lớp học chung và lớp học chuyên biệt mà có học sinh khuyết tật. Tổng câu TK10A và TK10B bằng tổng số lớp học ghi ở câu TK9.

**TK11:** Trường gặp những khó khăn nào sau đây trong việc tổ chức giáo dục cho học sinh khuyết tật?

Chọn tất cả các mã thể hiện cho các khó khăn trong việc tổ chức giáo dục cho học sinh khuyết tật mà trường gặp.

**TK12:** Trong năm học 2023-2024, trường đã triển khai những hình thức hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nào sau đây?

Chọn tất cả các mã thể hiện cho các hoạt động mà trường đã triển khai để hỗ trợ cho học sinh khuyết tật.

## 4.5. PHIẾU SỐ 05-YT: PHIẾU PHỎNG VẤN TRẠM Y TẾ XÃ/PHƯỜNG/ THỊ TRẤN

### 4.5.1. Nội dung, phương pháp thu thập số liệu

* Mục 1: Những thông tin chung về trạm y tế.
* Mục 2: Thông tin về tình hình khám chữa bệnh và một số hoạt động của trạm y tế liên quan đến người khuyết tật.

Thông tin được thu thập từ việc phỏng vấn trực tiếp các cán bộ trạm y tế.

**4.5.2. Người phỏng vấn, người trả lời và công tác tổ chức thu thập số liệu**

Đội trưởng là người thực hiện phiếu phỏng vấn này. Đội trưởng cần chủ động liên hệ và hẹn gặp trực tiếp trạm trưởng, trạm phó để thu thập những thông tin này.

Có một số thông tin cần phải có thời gian chuẩn bị trước nên đội trưởng có thể đưa trước nội dung các câu hỏi cần thu thập để người trả lời phỏng vấn có thời gian chuẩn bị. Khi đã hẹn gặp với bất kỳ ai thì cần phải đến đúng giờ và không được phép lỡ hẹn.

Tất cả các thông tin được thu thập cần phải tuân thủ nguyên tắc như đối với phiếu phỏng vấn hộ: không được phổ biến hoặc tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong phiếu với những người không có trách nhiệm.

**4.5.3. Hướng dẫn phiếu hỏi**

***a) Trang bìa***

Thông tin định danh của trạm y tế bao gồm các thông tin về tên và mã như sau:

- Tỉnh/thành phố;

- Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;

- Xã/phường/thị trấn;

- Khu vực (Thành thị - Nông thôn);

Các thông tin này sẽ tự động hiển thị trên chương trình CAPI. Nếu các thông tin này chưa đúng với thực tế, đội trưởng cần báo lại với giám sát viên để xác minh và cập nhật (nếu có).

Họ và tên người trả lời: Ghi đầy đủ bằng tiếng Việt có dấu họ và tên người trả lời phỏng vấn.

Chức danh: Ghi rõ chức danh hiện tại của người trả lời phỏng vấn.

Số điện thoại liên lạc: Nhập số điện thoại giao dịch của trạm y tế. Số điện thoại liên hệ có thể là số cố định (cần ghi cả mã vùng) hoặc số di động của người trả lời.

***b) Mục 1: Thông tin chung về trạm y tế***

**YC1:** Số cán bộ/nhân viên chuyên môn của trạm y tế?

Ghi số cán bộ có trình độ, chuyên môn hiện đang làm việc tại trạm y tế. Không tính những cán bộ không làm nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến y tế như bảo vệ, lao công…

**YC1A:** Trong đó, số cán bộ/nhân viên được đào tạo phục hồi chức năng cho người khuyết tật?

Ghi số nhân viên/cán bộ được đào tạo phục hồi chức năng cho người khuyết tật. Những nhân viên/cán bộ được ghi trong câu này có bằng cấp, chứng chỉ về hoặc liên quan đến phục hồi chức năng cho đối tượng khuyết tật hoặc được học các khóa đào tạo về phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

**YC2:** Nguồn nước chính sử dụng để sinh hoạt của trạm y tế là nguồn nước nào?

Ghi nguồn nước chính sử dụng cho sinh hoạt của trạm y tế.

**YC2.1:** Nguồn nước chính sử dụng để ăn uống của trạm y tế là nguồn nước nào?

Ghi nguồn nước chính sử dụng để ăn uống của trạm y tế.

**YC3:** Trạm y tế có máy phát điện không?

Xem trạm y tế có sở hữu hoặc sử dụng máy phát điện không. Chỉ tính khi máy phát điện vẫn sử dụng được, không cần xem xét về tính sở hữu của máy.

**YC4:** Trạm y tế có máy tính kết nối internet không?

Xem trạm y tế có máy tính và máy tính này phải được kết nối internet. Ghi mã “CÓ” ở câu này khi tại trạm y tế có máy tính kết nối internet và máy vẫn sử dụng được, không cần xem xét về tính sở hữu của máy.

**YC5:** Trạm y tế có bao nhiêu phòng chức năng?

Ghi số phòng chức năng của trạm y tế. Phòng chức năng là những phòng dùng để khám và chữa bệnh cho bệnh nhân. Không tính phòng kho, phòng khách, phòng chờ.

***c) Mục 2: Thông tin về quản lý sức khỏe và khám, chữa bệnh cho người khuyết tật***

**YK1:** Trạm y tế có triển khai các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật trong năm 2023 không?

Xem trong năm 2023, trạm y tế có tổ chức hoặc tham gia việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật không. Việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến này có thể với nhiều đối tượng như toàn dân, gia đình có người khuyết tật hay với người khuyết tật…

**YK2:** Số lượt người khám/chữa bệnh tại trạm y tế trong năm 2023? (tính đến thời điểm điều tra).

Ghi tổng số lượt người đã khám, chữa bệnh tại trạm y tế trong năm 2023 tính đến thời điểm điều tra.

**YK3:** Số lượt người khuyết tật được khám/chữa bệnh tại trạm y tế năm 2023? (tính đến thời điểm điều tra).

Ghi số lượt người được khám, chữa bệnh tại trạm y tế năm 2023 mà bệnh nhân là người khuyết tật.

**YK4:** Trạm y tế có lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe cho người khuyết tật của xã/phường/thị trấn không?

Xem trạm y tế có lập hồ sơ, theo dõi hay quản lý sức khỏe cho bất kỳ đối tượng nào là người khuyết tật trên địa bàn xã/phường/thị trấn không.

**YK5:** Số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe tại trạm y tế năm 2023?

Ghi số người khuyết tật được trạm y tế lập hồ sơ, theo dõi hay quản lý sức khỏe năm 2023.

**YK5A:** Trong đó, số người có sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí hay BHYT?

Ghi số người khuyết tật được trạm y tế lập hồ sơ, theo dõi, quản lý sức khỏe mà có BHYT hoặc sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí.

**YK6:** Trạm y tế có lối đi (đường dốc) cho người sử dụng xe lăn có thể vào phòng khám bệnh không?

Kết hợp hỏi và quan sát xem trạm y tế có lối đi hay đường dốc để hỗ trợ cho người sử dụng xe lăn có thể tiếp cận tới phòng khám bệnh hay không.

**YK7:** Công trình vệ sinh tại trạm y tế có thiết kế phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật không?

Kết hợp hỏi và quan sát xem công trình vệ sinh của trạm y tế xã/phường/thị trấn có thiết kế phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật hay không.

Ví dụ: Có đường dốc hoặc lối vào có đủ rộng để người đi xe lăn có thể vào được; có tay vịn, bồn cầu thấp dành cho người khuyết tật.

**YK8:** Xã/phường/thị trấn có xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong năm 2023 không?

Xem xã/phường/thị trấn có xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng năm 2023 không (các chương trình đã thực hiện tính đến thời điểm điều tra).

Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng là chiến lược nằm trong sự phát triển cộng đồng về phục hồi chức năng, bình đẳng về mọi cơ hội và hoà nhập xã hội của tất cả những người khuyết tật. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng được triển khai với sự phối hợp chung của chính bản thân người khuyết tật, gia đình họ và cộng đồng bằng những dịch vụ y tế, giáo dục, hướng nghiệp và xã hội thích hợp.

*Mục tiêu chung*: Mục tiêu chung nhất của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng là cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật về mọi mặt để họ có thể hoà nhập và bình đẳng trong xã hội, qua đó phát huy được tối đa năng lực của mình trong sự phát triển chung của cộng đồng.

*5 Mục tiêu cụ thể:*

Mục tiêu 1: Tăng cường sự độc lập tự chủ của người khuyết tật về gia đình và tăng cường sự tham gia của họ vào quá trình ra quyết định.

Mục tiêu 2: Tăng cường nhận thức của cộng đồng về khả năng của người khuyết tật và phòng ngừa khuyết tật đồng thời tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động trên.

Mục tiêu 3: Tăng cường năng lực chuyên môn và quản lý cho hệ thống hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật về phòng ngừa, phát hiện và can thiệp sớm khuyết tật.

Mục tiêu 4: Kiện toàn cơ sở vật chất về phục hồi chức năng cho các cấp.

Mục tiêu 5: Tăng cường tiếp cận các dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật tại tất cả các xã theo cách tiếp cận lấy người khuyết tật làm trung tâm, tập trung vào gia đình và dựa vào cộng đồng.

**YK9:** Số người khuyết tật được tham gia chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng năm 2023?

Ghi số người khuyết tật được hướng dẫn phục hồi chức năng tại cộng đồng theo chương trình được xã/phường/thị trấn hoặc trạm y tế đã tổ chức, thực hiện trong năm 2023 tính đến thời điểm điều tra.

**YK10:** Số người khuyết tật được phục hồi chức năng tại trạm y tế trong năm 2023?

Ghi số người khuyết tật được phục hồi chức năng tại trạm y tế năm 2023.

*Lưu ý:* Phân biệt với câu YK9. Số người khuyết tật được tham gia chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

**YK11:** Số người được cấp dụng cụ phục hồi chức năng trong năm 2023

Số người được cấp dụng cụ phục hồi chức năng trong năm 2023.

Ghi tổng số người được cung cấp dụng cụ phục hồi chức năng trong năm 2023 tính đến thời điểm điều tra.

**YK12:** Trạm y tế có nhân viên được học ngôn ngữ ký hiệu để hỗ trợ giao tiếp, chữa bệnh cho người khuyết tật không?

Trong số nhân viên của trạm y tế, nếu có bất kỳ ai được học ngôn ngữ ký hiệu, có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ ký hiệu với người khuyết tật thì chọn mã “1” CÓ. Nếu không có bất kỳ ai thì chọn mã “2” KHÔNG.